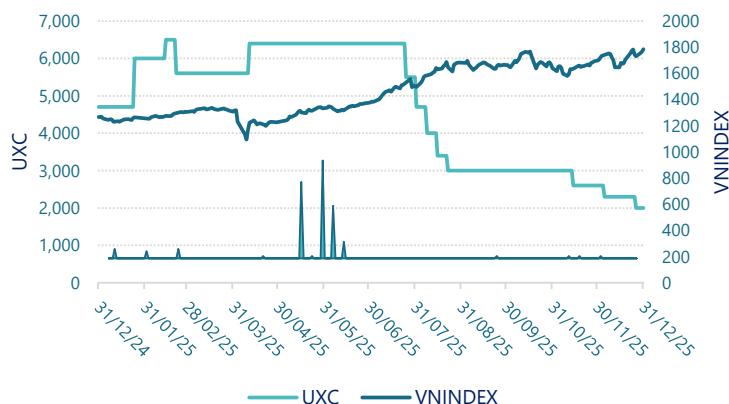


CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi (UPCOM: UXC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,000
SL cổ phiếu LH	35,399,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	71
P/E	-43.6
EPS	-46

DT thuần

Q4/25

103

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.10 | 3.9%

YoY: ▲ 33.2 | 47.2%

LN sau thuế

Q4/25

13.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.7 | 275%

YoY: ▲ 37.3 | 159%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.0%

+/- YoY: ▲ 8.0%

DT thuần

2025

390

tỷ VNĐ

YoY: ▼194 | -33.3%

LN sau thuế

2025

-1.62

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 36.2 | 95.7%

ROE

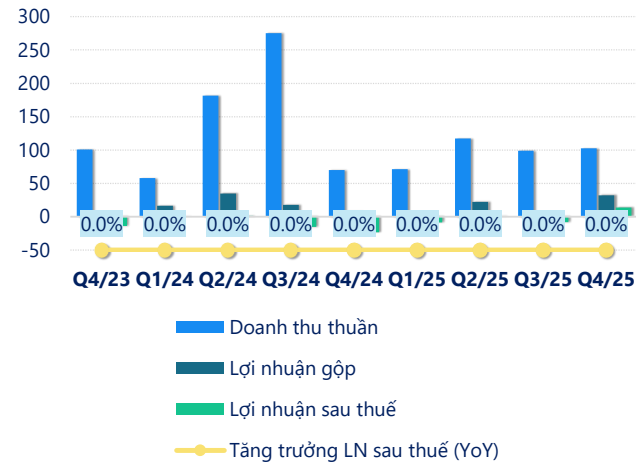
2025

1.8%

+/- YoY: ▼ 52.4%

tỷ VNĐ

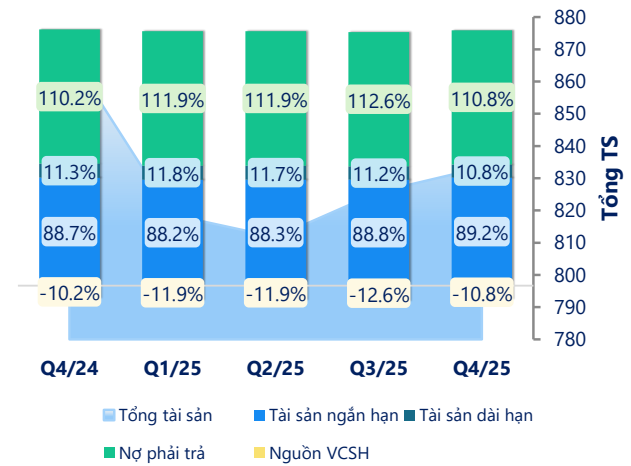
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

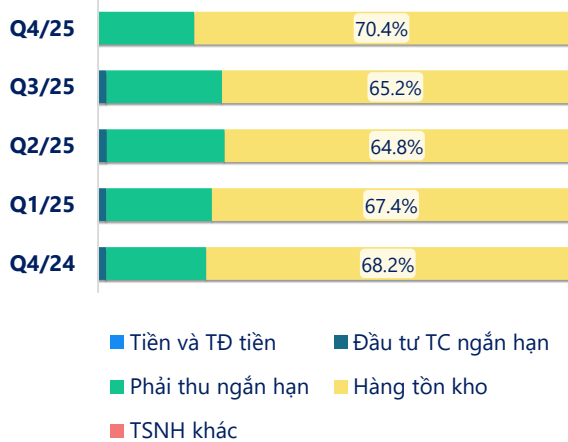
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



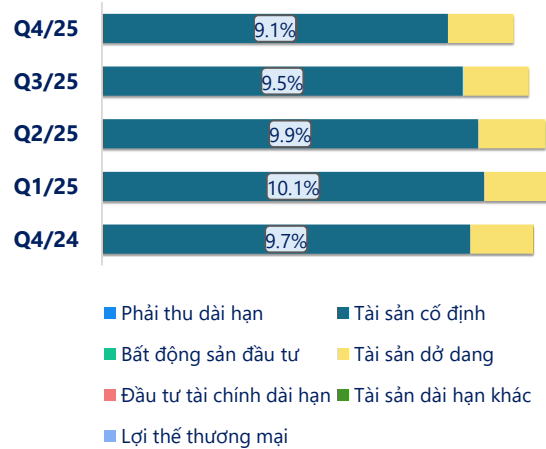
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

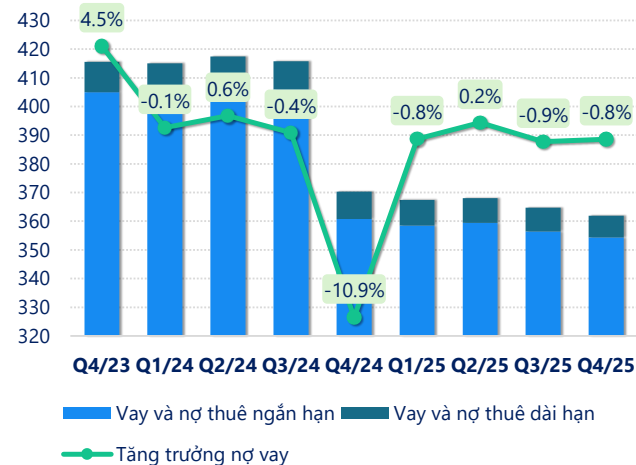
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

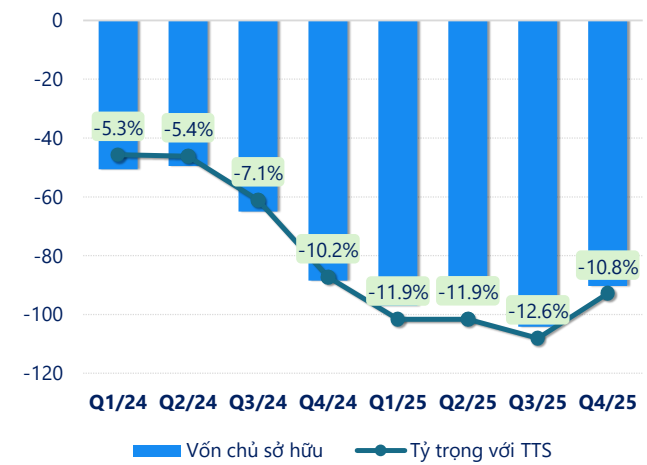
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

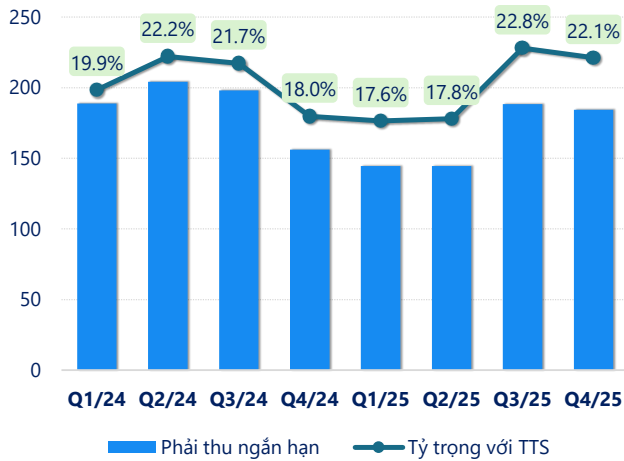
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



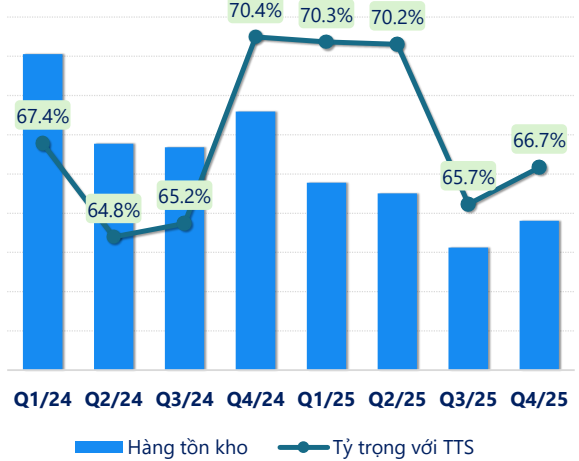
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


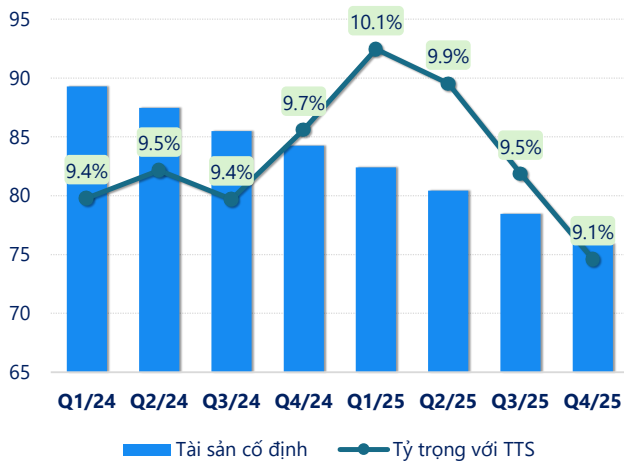
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


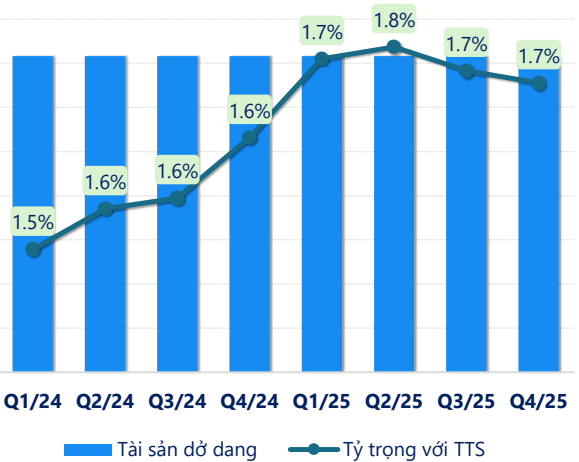
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

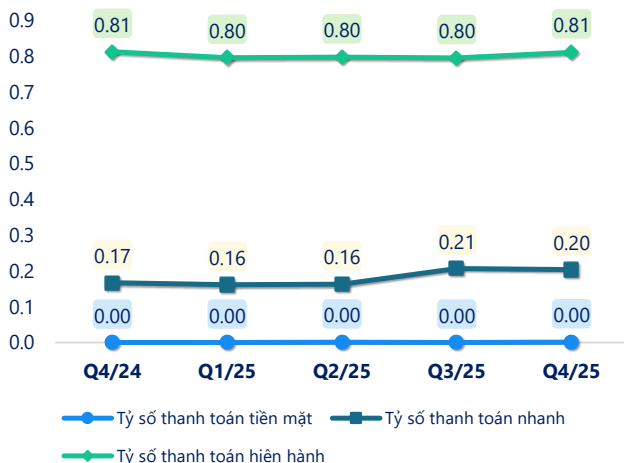
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

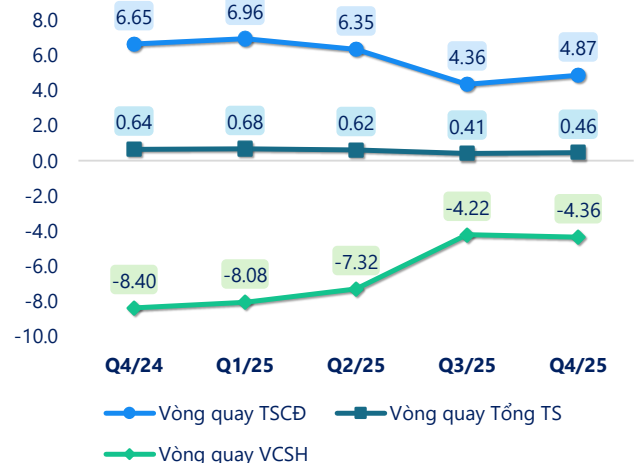
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	869	819	812	826	833
Tài sản ngắn hạn	770	722	717	733	743
Tiền và tương đương tiền	0.06	0.16	0.44	0.18	1.00
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	156	144	145	188	184
Hàng tồn kho	612	575	570	543	556
Tài sản ngắn hạn khác	2.08	1.86	1.95	2.02	1.59
Tài sản dài hạn	98.6	96.7	94.7	92.8	90.3
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	84.3	82.4	80.4	78.5	75.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	14.3	14.3	14.3	14.3	14.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	957	916	908	930	924
Nợ ngắn hạn	948	907	899	922	916
Vay và nợ thuê ngắn hạn	361	358	359	356	354
Phải trả người bán ngắn hạn	84.5	68.7	64.7	83.9	110
Nợ dài hạn	9.48	9.00	8.67	8.34	7.52
Vay và nợ thuê dài hạn	9.48	9.00	8.67	8.34	7.52
Nguồn vốn chủ sở hữu	-88.5	-97.1	-96.2	-104	-90.3
Vốn chủ sở hữu	-88.5	-97.1	-96.2	-104	-90.3
Vốn điều lệ	354	354	354	354	354
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)